

Số: 499/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc mời cung cấp báo giá để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật và can thiệp tim mạch của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật và can thiệp tim mạch, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh) trân trọng kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá các hàng hóa, dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Phụ trách khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuambvt@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

+ Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh).

- Bản mềm: Báo giá (Excel), Catalog, các tài liệu liên quan... (PDF)

+ Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuambvt@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h30 phút ngày 13 tháng 02 năm 2026 đến trước 16h30p ngày 09 tháng 03 năm 2026.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.



4. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ: Chi tiết về tên hàng hóa, thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng, đơn vị tính được mô tả tại Phụ lục 01 đính kèm Thông báo này.

2. Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và chào giá (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*).

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.

Do nhu cầu cấp thiết về mua sắm vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật và can thiệp tim mạch phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện, kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế nhanh chóng cung cấp thông tin để bên Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK. *nh2*



Nguyễn Bá Việt

Phụ lục I

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 499/TB - BVT ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I		Vật tư trong phẫu thuật tim				
1	1	Bộ tim phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim có tích hợp phin lọc kèm dây dẫn cho bệnh nhân trên 40kg	Phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch kèm dây dẫn. - Diện tích bề mặt lớp màng $\geq 1.5 \text{ m}^2$. - Thể tích mỗi $\leq 380 \text{ ml}$ - Dung tích bình chứa $\geq 3000 \text{ ml}$ - Lưu lượng máu trao đổi tối đa $\geq 6000 \text{ ml/phút}$. Cam kết cung cấp đầy đủ dụng cụ đi kèm để thực hiện được kỹ thuật đến khi sử dụng hết số lượng vật tư.	Bộ	30	
2	2	Quả lọc rút nước (Dùng trong phẫu thuật tim hở)	Quả lọc kèm dây dẫn và túi đựng chất thải. Diện tích màng lọc $\geq 0,5\text{m}^2$ Thể tích dịch mỗi $\geq 50 \text{ ml}$ Áp lực tối đa $\geq 60\text{kPa}$ hoặc $\geq 450 \text{ mmHg}$.	Quả	40	
3	3	Van tim nhân tạo sinh học hai lá	Van hai lá được làm bằng màng tim bò hoặc màng tim lợn hoặc van động mạch chủ của lợn. Kích thước van $\geq 23\text{mm}$, (tối thiểu 5 cỡ)	Cái	10	
4	4	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ	Van động mạch chủ sinh học được làm bằng màng tim bò hoặc màng tim lợn hoặc van động mạch chủ của lợn. - Kích thước van $\geq 19\text{mm}$, (tối thiểu 5 cỡ).	Cái	10	
5	5	Van tim nhân tạo cơ học hai lá	Van nhân tạo cơ học hai lá. - Góc mở cánh van $\geq 80^\circ$ - Kích thước: $\geq 25\text{mm}$, (Tối thiểu 5 cỡ).	Cái	20	
6	6	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ. - Góc mở cánh van $\geq 80^\circ$. + Kích thước van: $\geq 19\text{mm}$, (Tối thiểu 5 cỡ).	Cái	20	
7	7	Vòng van hai lá	Vòng van bán cứng, loại kín và hở dùng cho vị trí van hai lá. Kích thước: $\geq 26\text{mm}$, (Tối thiểu 5 cỡ)	Cái	30	
8	8	Vòng van tim nhân tạo ba lá	Vòng van 3 lá mềm hoặc bán cứng, loại kín và hở. Kích thước: $\geq 25\text{mm}$, (Tối thiểu 5 cỡ).	Cái	30	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	9	Kit thử HR-ACT	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu HR ACT. Dùng cho máy đo thời gian đông máu tự động Model ACT200 hãng Medtronic.	Test	300	
10	10	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch đùi	Cannula tĩnh mạch đùi. + Dài ≥ 60 cm. + Cỡ ≥ 15 Fr, (tối thiểu 3 cỡ 21Fr, 23Fr, 25Fr)	Cái	5	
11	11	Ca-nuyn (cannula) động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cảnh (dùng trong trường hợp mổ ít xâm lấn)	Cannula động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cảnh. Kích thước: ≥ 15 Fr, (tối thiểu có cỡ 19Fr, 23Fr)	Cái	5	
12	12	Ca-nuyn (cannula) động mạch đầu thẳng	Canuyn động mạch đầu thẳng + Kích thước ≥ 16 Fr, (Tối thiểu có 3 cỡ)	Cái	10	
13	13	Ca-nuyn (cannula) động mạch đầu cong	Canuyn động mạch đầu cong + Kích thước ≥ 16 Fr, (Tối thiểu có 3 cỡ)	Cái	10	
14	14	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch gấp góc đầu sắt	Cannula tĩnh mạch phần đầu uốn cong, mũi vát và có nhiều lỗ. Thân chống xoắn. Kích thước ≥ 20 Fr, (Tối thiểu 5 cỡ).	Cái	10	
15	15	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch thẳng	- Cannula tĩnh mạch thẳng: + Cỡ ≥ 12 Fr, (tối thiểu có các cỡ 28 Fr, 30 Fr, 32 Fr, 34 Fr, 36 Fr). + Đầu thẳng dây dẫn chống xoắn. + Đầu canuyn có nhiều lỗ.	Cái	10	
16	16	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch 2 tầng	Cannula tĩnh mạch 2 tầng + Đầu có lỗ bên, có dây chống xoắn. + Cỡ $\geq 28/36$ Fr hoặc $\geq 29/37$ Fr, (Tối thiểu có 3 cỡ)	Cái	10	
17	17	Ca-nuyn (cannula) gốc động mạch chủ	- Cannulae gốc động mạch chủ: + Cỡ đầu Cannula ≥ 7 Fr. + Chiều dài ≤ 15 cm.	Cái	20	
18	18	Ca-nuyn (cannula) hút tim trái	- Cannula hút tim trái: + Đầu tip có nhiều lỗ. + Thân cannula thẳng. + Các cỡ ≥ 10 Fr, (tối thiểu 5 cỡ).	Cái	20	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	19	Ca-nuyn (cannula) truyền động mạch vành	- Ca-nuyn (cannula) truyền động mạch vành. + Cỡ $\geq 10\text{Fr}$, (tối thiểu 3 cỡ) - Tương thích với dây nối chữ Y truyền vành.	Cái	40	
20	20	Dây nối chữ Y truyền vành	- Dây nối truyền dung dịch liệt tim chữ Y. - Có kẹp trên dây. - Tương thích với Ca-nuyn (cannula) truyền động mạch vành.	Cái	20	
21	21	Ca-nuyn (cannula) truyền động mạch vành ngược dòng	- Ca-nuyn (cannula) có cuff thủ công với đường theo dõi áp suất, - Có Guidewire - Có bơm để tự bung cuff - Chiều dài: $\geq 22.9\text{cm}$ - Kích cỡ Ca-nuyn (cannula) : $\geq 13\text{Fr}$, (tối thiểu có cỡ 15Fr)	Cái	5	
22	22	Miếng vá nhân tạo (dùng trong phẫu thuật tim)	- Miếng vá phẫu thuật dùng trong phẫu thuật tim	Miếng	10	
23	23	Chỉ đặt điện cực cơ tim	Chỉ 2/0 hoặc 3/0. Dài $\geq 60\text{cm}$. 2 Kim: Kim cong 1/2 hoặc 3/8 và Kim thẳng.	Sợi	100	
II		Vật tư trong can thiệp mạch vành				
24	1	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch vành tương thích với máy siêu âm nội mạch Model Volcano core của hãng Volcano	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch vành. Tương thích với máy siêu âm nội mạch Model Volcano core của hãng Volcano.	Cái	20	
25	2	Dây dẫn áp lực để đo dự trữ dòng chảy động mạch vành (FFR) tương thích với máy siêu âm nội mạch Model Volcano core của hãng Volcano	Dây dẫn áp lực để đo dự trữ dòng chảy động mạch vành (FFR) các loại, các cỡ. Tương thích với máy siêu âm nội mạch Model Volcano core của hãng Volcano.	Cái	10	
26	3	Catheter chụp chẩn đoán tim và mạch vành loại mềm mại bên trái (JL), bên phải (JR), Pigtail (PIG).	- Tương thích guidewire $\geq 0.035"$. - Kích thước: + Đường kính: $\geq 4\text{F}$, Tối thiểu có 03 dạng JR, JL, Pigtail (PIG). + Chiều dài: $\geq 100\text{cm}$.	Cái	500	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	4	Dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ trong can thiệp tắc mạch vành hoàn toàn mạn tính (CTO)	Đầu tip thiết kế với công nghệ đa lõi. - Công nghệ phủ ái nước hoặc polymer - Độ cân quang đầu tip dài từ 3cm - 20 cm - Chiều dài: $\geq 180\text{cm}$, (tối thiểu 3 cỡ). - Đầu tip dạng thẳng, đầu J, dạng uốn sẵn (Pre-shape) - Khả năng tải đầu tip từ 0,6 - 20 gf, (tối thiểu 10 cỡ). - Đường kính đầu tip từ 0.008 - 0.014", (tối thiểu 6 cỡ).	Cái	60	
III		Vật tư trong can thiệp mạch ngoại vi				
28	1	Ống thông, đầu đốt (đầu kim) sóng cao tần (RF) điều trị suy tĩnh mạch chi dưới	Ống thông, đầu đốt (đầu kim) sóng cao tần (RF) được dùng để điều trị tĩnh mạch hiển: - Ống thông: + Chiều dài: $\geq 1.000\text{ mm}$. - Đầu đốt (đầu kim): + Chiều dài: $\geq 3\text{mm}$, (Tối thiểu có cỡ 7mm) + Đường kính: $\geq 2\text{ mm}$. Cam kết cung cấp đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ đi kèm để thực hiện được kỹ thuật đến khi sử dụng hết số lượng vật tư.	Cái	70	
29	2	Đầu đốt, dây đốt, ống thông laser nội mạch điều trị tĩnh mạch hiển	Bao gồm: Ống thông (catheter), đầu đốt laser nội mạch sợi quang học kèm bộ mở đường vào mạch máu. + Đường kính ống thông (catheter) $\geq 400\mu\text{m}$. + Chiều dài ống thông (catheter) $\geq 2,5\text{m}$. + Bộ mở đường vào mạch máu: Kim chọc mạch, Que nong, dây dẫn. Cam kết cung cấp đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ đi kèm để thực hiện được kỹ thuật đến khi sử dụng hết số lượng vật tư.	Cái	80	
30	3	Keo sinh học tĩnh mạch	Bao gồm: + Súng bơm keo. + Keo đi kèm $\geq 5\text{ml}$. + Ống thông (catheter) tương thích với wire $\leq 0.035"$. + Dây dẫn hướng dài $\geq 180\text{ cm}$.	Lọ	5	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	4	Stent động mạch cảnh (dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ)	- Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng hợp kim hoặc Nitinol. - Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn. - Chiều dài Stent: $\geq 30\text{mm}$, (tối thiểu có cỡ 60mm) - Độ dài ống thông (catheter) có gắn stent $\geq 135\text{cm}$, sử dụng dây dẫn 0.014". - Tương thích với dụng cụ mở đường $\geq 6\text{F}$. - 2 điểm đánh dấu.	Cái	70	
32	5	Bóng nong (balloon) động mạch (dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ)	- Bóng nong dùng trong can thiệp mạch cảnh ngoài sọ. + Đường kính bóng: 5mm - 10 mm, (tối thiểu có cỡ 5mm) + Chiều dài bóng: $\geq 15\text{mm}$. - Chiều dài ống thông (catheter): $\geq 100\text{ cm}$. - Guidewire tương thích 0.014" hoặc 0.018".	Cái	70	
33	6	Dù bảo vệ mạch ngoại vi (dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ)	- Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi. - Đường kính lưới lọc $\geq 5\text{mm}$, (tối thiểu có cỡ 5mm). - Độ dài dây dẫn $\geq 190\text{cm}$. - Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn $\geq 0.014"$ - Lưới lọc được phủ heparin. - Đường kính vượt tổn thương: $\geq 3.2\text{Fr}$ - Có 1 marker đầu gần và 1 marker đầu xa. - Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc.	Cái	70	
34	7	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ.	Đường kính trong lớn loại 0.070" - 0.088", (tối thiểu 2 cỡ 0.070", 0.088"). Chiều dài loại 0.070": 100cm - 110 cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm - 100cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", Đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070"	Chiếc	70	
35	8	Stent động mạch thận các loại, các cỡ	- Stent động mạch thận nở bằng bóng. + Kích thước: đường kính: $\geq 4.5\text{ mm}$, (tối thiểu 3 cỡ). + Chiều dài: $\geq 12\text{mm}$. + Chất liệu: Hợp kim. - Ống thông (catheter) dài $\geq 135\text{cm}$. - Tương thích với dây dẫn $\geq 0.014"$ và hệ thống (ống thông) $\geq 4\text{F}$.	Cái	10	
36	9	Stent tĩnh mạch	Stent tĩnh mạch tự bung - Đường kính: $\geq 10\text{mm}$, (tối thiểu có 5 cỡ, trong đó có cỡ 14mm và 16mm) - Chiều dài: $\geq 40\text{m}$ (tối thiểu có 6 cỡ) Tương thích với hệ thống can thiệp $\geq 8\text{F}$	Cái	5	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	10	Khung giá đỡ (stent có màng bọc, cover stent) dùng cho động mạch chủ chậu	- Khung giá đỡ (stent) có màng bọc dùng cho can thiệp động mạch chủ, động mạch chậu. Kích cỡ: + Đường kính: $\geq 12\text{mm}$. + Chiều dài $\leq 59\text{ mm}$. - Ống thông (catheter) khả dụng: $\geq 75\text{ cm}$. - Sheath tương thích: $\geq 9\text{F}$	Cái	10	
38	11	Dụng cụ mở đường vào mạch máu dùng cho can thiệp mạch ngoại vi	Đường kính $\geq 8\text{Fr}$, (tối thiểu có 3 cỡ 8F, 9F, 11F). Van cầm máu Có dây dẫn.	Bộ	30	
39	12	Khung giá đỡ (stent có màng bọc, cover stent) dùng cho can thiệp ngoại biên	- Khung giá đỡ (stent) có màng bọc. + Đường kính: $\geq 5\text{mm}$, (Tối thiểu có cỡ 10mm). + Chiều dài: $\geq 27\text{mm}$, (Tối thiểu 3 cỡ). - Thanh chống Stent.	Cái	15	
40	13	Stent mạch ngoại vi không phủ thuốc	- Stent tự giãn nở hoặc tự bung. + Đường kính $\geq 5\text{mm}$. + Chiều dài $\leq 200\text{mm}$ - Độ dài ống thông (catheter) có gắn stent $\geq 80\text{ cm}$.	Cái	20	
41	14	Stent mạch ngoại vi có phủ thuốc	Stent động mạch ngoại vi tự bung phủ thuốc	Cái	20	
42	15	Bóng nong (balloon) mạch ngoại vi áp lực thường	- Bóng nong mạch ngoại vi phủ lớp ái nước. - Có 3 loại tương thích với 3 guidewire 0.014", 0.018", 0.035". + Loại 0.014": Đường kính bóng: $\geq 1,5\text{mm}$, (Tối thiểu 4 cỡ). + Loại 0.018": Đường kính bóng: $\geq 2\text{mm}$, (Tối thiểu 4 cỡ). + Loại 0.035": Đường kính bóng: $\geq 3\text{mm}$, (Tối thiểu 4 cỡ). - Chiều dài bóng: Từ 20mm đến 200mm, (tối thiểu có cỡ 200 mm). - Chiều dài ống thông (catheter): $\leq 150\text{cm}$.	Cái	80	
43	16	Bóng nong (balloon) áp lực cao (dùng trong can thiệp mạch ngoại vi)	- Bóng nong ngoại biên áp lực cao: + Tương thích với dây dẫn đường kính $\leq 0.035"$, (tối thiểu có bóng tương thích với dây dẫn đường kính 0.035"). + Đường kính: $\geq 4.0\text{ mm}$. + Chiều dài: $\geq 20\text{ mm}$. - Chiều dài ống thông (catheter): $\geq 75\text{cm}$, (tối thiểu 2 cỡ).	Cái	80	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
44	17	Bóng nong (balloon) mạch ngoại vi phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc. - Bóng đi trên vi dây dẫn 0.014". + Đường kính: $\geq 1.5\text{mm}$. + Độ dài: $\geq 40\text{mm}$. - Bóng đi trên vi dây dẫn 0.018" + Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$. + Độ dài: $\geq 20\text{mm}$. - Bóng đi trên vi dây dẫn 0.035" + Đường kính: $\geq 5.0\text{mm}$. + Độ dài: $\geq 20\text{mm}$.	Cái	60	
45	18	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại vi đường kính 0.014"	- Đường kính 0.014". - Độ dài $\geq 150\text{cm}$, (tối thiểu có cỡ $\geq 260\text{cm}$). - Chiều dài đầu tip (Cuốn lò xo cân quang) $\geq 2\text{cm}$.	Cái	40	
46	19	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại vi đường kính 0.018"	- Đường kính 0.018". - Độ dài $\geq 150\text{cm}$, (tối thiểu có cỡ $\geq 260\text{cm}$). - Chiều dài đầu tip (Cuốn lò xo cân quang) $\geq 2\text{cm}$.	cái	40	
47	20	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại vi đường kính 0.035"	- Đường kính 0.035". - Độ dài $\geq 150\text{cm}$, (tối thiểu có cỡ $\geq 260\text{cm}$). - Chiều dài đầu tip $\geq 4\text{cm}$.	Cái	40	
48	21	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) can thiệp ngoại vi	- Ống thông dẫn đường (guiding catheter) can thiệp ngoại + Đầu tip thon dần. + Thân catheter có 3 vạch đánh dấu chắn xạ. + Chiều dài : $\geq 135\text{cm}$. - Ống thông (catheter) tương thích với dây dẫn: $\geq 0,014"$, (tối thiểu 3 cỡ).	Cái	40	
49	22	Dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	- Nhiều loại lớp phủ khác nhau. - Chiều dài $\geq 180\text{cm}$, (tối thiểu có chiều dài 300 cm). - Đầu tip dạng thẳng. - Khả năng tải đầu tip $\geq 1\text{gf}$, (tối thiểu phải có 40 gf). - Đường kính $\geq 0.014"$.	Cái	30	
50	23	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch và mạch ngoại biên (Long sheath)	- Bộ bao gồm: 01 delator và 01 ống thông. - Thành ống thông (sheath) có cấu trúc 3 lớp. - Hình dáng: đầu thẳng và cong. - Kích cỡ: $\leq 8\text{Fr}$ - Dài $\leq 90\text{cm}$.	Cái	65	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
51	24	Bóng nong mạch ngoại vi có gắn lưỡi dao	Bóng nong mạch ngoại vi có gắn lưỡi dao	Cái	20	
52	25	Dụng cụ hút huyết khối mạch máu ngoại biên	Dụng cụ hút huyết khối mạch máu ngoại biên	Bộ	20	
53	26	Hệ thống ống thông khoan cắt mảng xơ vữa trong can thiệp mạch ngoại biên	Hệ thống ống thông khoan cắt mảng xơ vữa trong can thiệp mạch ngoại biên	Bộ	20	
54	27	Bộ dụng cụ tiêu sợi huyết tại chỗ	Bộ dụng cụ tiêu sợi huyết tại chỗ	Bộ	20	
55	28	Dụng cụ đóng lòng mạch các loại, các cỡ (đóng động mạch đùi bằng móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch)	- Cấu tạo gồm các thành phần sau: + Dụng cụ đóng mạch. + 01 dây dẫn cỡ $\geq 0.035"$, dài $\geq 70\text{cm}$. + 01 que nong(dilator). + 01 dụng cụ mở đường(sheath). - Cơ chế cầm máu với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch. - Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học. - Kích cỡ: $\geq 6\text{Fr}$, (Tối thiểu có cỡ 2 cỡ 6F và 8F).	Cái	120	
IV		Máy tạo nhịp				
56	1	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng đáp ứng tần số	Máy tạo nhịp tim 1 buồng đáp ứng tần số bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái. - Phụ kiện: + Dây điện cực tạo nhịp: 01 cái, chiều dài: $\geq 52\text{ cm}$. + Kim chọc $\geq 6\text{F}$: 01 cái. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ $\geq 1.5\text{ Tesla}$.	Bộ	10	
57	2	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái - Phụ kiện: + Kim chọc $\geq 6\text{F}$ (tối thiểu 3 cái). + Dây điện cực (dây dẫn tín hiệu) tạo nhịp ≥ 03 cái + Dụng cụ đưa dây dẫn ≥ 01 cái. + Ống thông bơm thuốc cân quang. + Dụng cụ hoặc phụ kiện đưa dây dẫn vào xoang vành. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ $\geq 1,5\text{ Tesla}$.	Bộ	1	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
58	3	Máy tạo nhịp phá rung (ICD) 1 buồng	Máy tạo nhịp phá rung (ICD) 1 buồng bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái, + Năng lượng sốc $\geq 25J$. + Lập trình có tính năng giúp giảm số lần shock không thích hợp và không cần thiết. - Phụ kiện: + Dây điện cực phá rung: 01 cái. + Kim chọc mạch: 01 cái. - Thời gian hoạt động dự tính tối đa của Pin (máy): ≥ 9.5 năm. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla.	Bộ	2	
59	4	Máy tạo nhịp 2 buồng có tính năng tạo nhịp HIS/ bó nhánh trái	1 Bộ tối thiểu gồm: - 01 máy tạo nhịp 2 buồng. Thời gian hoạt động dự tính tối đa của Pin (máy): ≥ 9.4 năm. - Phụ kiện: + 02 kim chọc mạch. + 02 dây điện cực. - Có tính năng tạo nhịp HIS/ bó nhánh trái. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla.	Bộ	30	
V		Thăm dò điện sinh lý và điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF				
60	1	Dụng cụ mở đường vào mạch máu (có chốt khóa dây điện cực)	Cấu tạo gồm: - Có chốt khóa dây điện cực - Kim chọc mạch $\geq 18G$ - dây dẫn đường cỡ $\geq 0.025"$ dài $\geq 45cm$ - Bơm tiêm - Introducer sheath - Dilator (que nong) - Kích thước: $\geq 5F$, dài $\geq 7cm$	Bộ	200	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
61	2.1	Catheter chẩn đoán loại 4 điện cực	Catheter chẩn đoán 4 điện cực Kích thước: $\geq 4F$ Đầu catheter mềm Thân dạng bện. Nhiều kiểu cong khác nhau Bề rộng điện cực: $\geq 1\text{ mm}$ Chiều dài: $\geq 110\text{ cm}$ Tương thích với Cáp nối chẩn đoán loại 4 điện cực Cam kết tương thích với máy EP-WorkMate Model EP-WorkMate Recording System hãng St. Jude Medical.	Cái	70	
62	2.2	Cáp nối chẩn đoán loại 4 điện cực	Tương thích với các loại catheter chẩn đoán loại 4 cực Chiều dài $\geq 150\text{ cm}$ Cam kết tương thích với hệ thống ghi điện sinh lý tim EP-WorkMate™ Model EP-WorkMate Recording System hãng St. Jude Medical.	Cái	100	
63	3.1	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực	Catheter chẩn đoán 10 điện cực Kích thước: $\geq 4F$ Đầu catheter mềm Thân dạng bện Chiều dài: $\leq 120\text{ cm}$, (tối thiểu 2 cỡ) Tương thích với Cáp nối chẩn đoán loại 10 điện cực Cam kết tương thích với hệ thống ghi điện sinh lý tim EP-WorkMate™ Model EP-WorkMate Recording System hãng St. Jude Medical.	Cái	20	
64	3.2	Cáp nối chẩn đoán loại 10 điện cực	Tương thích với các loại catheter chẩn đoán loại 10 điện cực. Chiều dài $\geq 150\text{ cm}$ Cam kết tương thích với máy EP-WorkMate™ Model EP-WorkMate Recording System hãng St. Jude Medical.	Cái	30	
65	4.1	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực, đầu cong 180 độ có điều chỉnh	Có thể cong được đến 180 độ. Kích cỡ $\leq 6F$. Có 10 điện cực. Chiều dài $\geq 110\text{ cm}$. Tương thích với Cáp nối Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực, đầu cong 180 độ có điều chỉnh Cam kết tương thích với máy EP-WorkMate™ Model EP-WorkMate Recording System hãng St. Jude Medical.	Cái	10	
66	4.2	Cáp nối Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực, đầu cong 180 độ có điều chỉnh	Tương thích với Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực, đầu cong 180 độ có điều chỉnh Cam kết tương thích với máy EP-WorkMate™ Model EP-WorkMate Recording System hãng St. Jude Medical.	Cái	15	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
67	5.1	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có thể uốn được nhiều độ cong khác nhau	Thân Catheter $\geq 7F$ Đầu tip $\geq 4mm$, (Tối thiểu 3 cỡ) Khoảng cách điện cực $\geq 2mm$. Chiều dài: $\geq 110cm$. Đầu catheter quay theo 2 hướng. Tương thích với Cáp nối Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có thể uốn được nhiều độ cong khác nhau Cam kết tương thích với máy đốt ổ loạn nhịp tim, Model Ampere™ Generator, seri H700495 hãng St. Jude Medical	Cái	10	
68	5.2	Cáp nối Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có thể uốn được nhiều độ cong khác nhau	Tương thích Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có thể uốn được nhiều độ cong khác nhau Cam kết tương thích với máy đốt ổ loạn nhịp tim, Model Ampere™ Generator, seri H700495 hãng St. Jude Medical	Cái	10	
69	6.1	Catheter (Ống thông) đốt điều trị loạn nhịp đầu cong ≥ 270 độ, 1 hướng.	Catheter đốt cong 1 hướng Đường kính: $\leq 7F$ - Có nhiều kiểu cong - Chất liệu điện cực bằng Platinum/Iridium - Chiều dài $\geq 110cm$ Đầu cong ≥ 270 độ Có 4 điện cực. Đầu điện cực: 4 mm. Khoảng cách điện cực: 2 hoặc 2-5-2 (mm) Tương thích với Cáp nối dài cho Catheter (Ống thông) đốt điều trị loạn nhịp đầu cong ≥ 270 độ, 1 hướng. Cam kết tương thích với máy đốt ổ loạn nhịp tim, Model Ampere™ Generator, seri H700495 hãng St. Jude Medical	Cái	15	
70	6.2	Cáp nối dài cho Catheter (Ống thông) đốt điều trị loạn nhịp đầu cong ≥ 270 độ, 1 hướng.	Tương thích với Catheter (Ống thông) đốt điều trị loạn nhịp đầu cong ≥ 270 độ, 1 hướng. Cam kết tương thích với máy đốt ổ loạn nhịp tim, Model Ampere™ Generator, seri H700495 hãng St. Jude Medical	Cái	20	

STT	STT Theo phần	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
71	7.1	Catheter cong 2 hướng có rãnh tưới nước muối	Catheter cong 2 hướng có rãnh tưới nước muối Thân Catheter $\geq 7F$ Đầu tip $\geq 4mm$, (Tối thiểu 2 cỡ) Khoảng cách điện cực $\geq 2mm$. Chiều dài: $\geq 110cm$. Đầu catheter quay theo 2 hướng. Tương thích với Cáp nối với Catheter cong 2 hướng có rãnh tưới nước muối Cam kết tương thích với máy đốt ổ loạn nhịp tim, Model Ampere™ Generator, seri H700495 hãng St. Jude Medical	Cái	5	
72	7.2	Cáp nối với Catheter cong 2 hướng có rãnh tưới nước muối	Tương thích Catheter cong 2 hướng có rãnh tưới nước muối Cam kết tương thích với máy đốt ổ loạn nhịp tim, Model Ampere™ Generator, seri H700495 hãng St. Jude Medical	Cái	10	
73	8	Miếng dán điện cực dùng để thăm dò điện sinh lý và đốt loạn nhịp	Miếng dán điện cực dùng để thăm dò điện sinh lý và đốt loạn nhịp	Miếng	50	

Phụ lục II
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 499/TB - BVT ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)



Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:
Điện thoại DD:
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo thông báo số 499/TB - BVT ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Tên hàng hoá (3)	Tên thương mại, ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT (Theo QĐ 5086/QĐ- BYT ngày 04/11/2021 hoặc theo TT 04 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017) (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Số đăng kỹ lưu hành (7)	Đạt tiêu chuẩn (8)	Mã HS (9)	Phân loại TTBYT (A,B,C, D) (10)	Năm sx (11)	Hãng/ nước chủ sở hữu (12)	Hãng/Nướ c sản xuất (13)	Quy cách đóng gói (14)	Đơn vị tính (15)	Số lượng (16)	Đơn giá (VNĐ) (17)	Thành tiền (VNĐ) (18)	Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (19)
1																		
2																		

Ghi chú:

Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin.

Đơn vị cung cấp kèm theo bản scan hợp đồng đã trúng thầu và/hoặc hóa đơn bán hàng trong vòng 12 tháng gần nhất kèm theo (nếu có).

Đơn vị gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa, dịch vụ.

Đối với máy móc, trang thiết bị có bảng kê khai thông số kỹ thuật mời báo giá và thông số kỹ thuật đáp ứng của đơn vị.

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”.

(18) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí, dụng cụ phụ trợ đi kèm đảm bảo thực hiện được kỹ thuật và dịch vụ liên quan (nếu có).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 09 tháng 03 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày] .

3. Chúng tôi cam kết:

- Đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp